

Niềm vui của lòng thương xót

(Luca 15,1-3.11-32 – CN MC IV - C)

Lm. GB. Nguyễn Ngọc Thế SJ.



Bài Tin Mừng

• Bản dịch của nhóm các Giờ Kinh Phụng Vụ

¹ Các người thu thuế và các người tội lỗi đều lui tới với Đức Giê-su để nghe Người giảng.² Những người Pha-ri-sêu và các kinh sư bèn xâm xì với nhau: "Ông này đón tiếp phường tội lỗi và ăn uống với chúng."³ Đức Giê-su mới kể cho họ dụ ngôn này:

¹¹ Rồi Đức Giê-su nói tiếp: "Một người kia có hai con trai.¹² Người con thứ nói với cha rằng: "Thưa cha, xin cho con phần tài sản con được hưởng. Và người cha đã chia của cải cho hai con.¹³ Ít ngày sau, người con thứ thu góp tất cả rồi chạy đi phương xa. Ở đó anh ta sống phóng đãng, phung phí tài sản của mình.

¹⁴ "Khi anh ta đã ăn tiêu hết sạch, thì lại xảy ra trong vùng ấy một nạn đói khủng khiếp. Và anh ta bắt đầu lâm cảnh túng thiếu,¹⁵ nên phải đi ở đợ cho một người dân trong vùng; người này sai anh ta ra đồng chăn heo.¹⁶ Anh ta ao ước lấy đậu muồng heo ăn mà nhét cho đầy bụng, nhưng chẳng ai cho.¹⁷ Bấy giờ anh ta hồi tâm và tự nhủ: "Biết bao nhiêu người làm công cho cha ta được com dư gạo thừa, mà ta ở đây lại chết đói!¹⁸ Thôi, ta đứng lên, đi về cùng cha và thưa với người: "Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với cha,¹⁹ chẳng còn đáng gọi là con cha nữa. Xin coi con như một người làm công cho cha vậy.²⁰ Thế rồi anh ta đứng lên đi về cùng cha. Anh ta còn đang ở đằng xa, thì người cha đã trông thấy. Ông chạnh lòng thương, chạy ra ôm cổ anh ta và hôn lấy hôn để.

²¹ Bấy giờ người con nói rằng: "Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con cha nữa..."²² Nhưng người cha liền bảo các đầy tớ rằng: "Mau đem áo đẹp nhất ra đây mặc cho cậu, xỏ nhẫn vào ngón tay, xỏ dép vào chân cậu,²³ rồi đi bắt con bê đã vỗ béo làm thịt để chúng ta mở tiệc ăn mừng!²⁴ Vì con ta đây đã chết mà nay sống lại, đã mất mà nay lại tìm thấy. Và họ bắt đầu ăn mừng.

²⁵ "Lúc ấy người con cả của ông đang ở ngoài đồng. Khi anh ta về gần đến nhà, nghe thấy tiếng đàn ca nhảy múa,²⁶ liền gọi một người đầy tớ ra mà hỏi xem có chuyện gì.²⁷ Người ấy trả lời: "Em cậu đã về, và cha cậu đã làm thịt con bê béo, vì gặp lại cậu ấy mạnh khoẻ.²⁸ Người anh cả liền nổi giận và không chịu vào nhà. Nhưng cha cậu ra năn nỉ.²⁹ Cậu trả lời cha: "Cha coi, đã

bao nhiêu năm trời con hầu hạ cha, và chẳng khi nào trái lệnh, thế mà chưa bao giờ cha cho lấy được một con dê con để con ăn mừng với bạn bè.³⁰ Còn thằng con của cha đó, sau khi đã nuốt hết của cải của cha với bọn điếm, nay trở về, thì cha lại giết bê béo ăn mừng!

³¹ "Nhưng người cha nói với anh ta: "Con à, lúc nào con cũng ở với cha, tất cả những gì của cha đều là của con.³² Nhưng chúng ta phải ăn mừng, phải vui vẻ, vì em con đây đã chết mà nay lại sống, đã mất mà nay lại tìm thấy."

- **Bản dịch của cha Nguyễn Thế Thuấn**

¹ Các người thu thuế, cùng những kẻ tội lỗi hết thầy thường lui tới bên Ngài để nghe lời Ngài. ² Và Biệt phái kêu trách. Họ nói: "Ông ấy tiếp đón quân tội lỗi và cùng ăn với chúng". ³ Ngài mới nói cùng họ ví dụ này, rằng:

¹¹ Ngài còn nói: "Người kia có hai đứa con. ¹² Con thứ nói với cha: "Thưa cha, xin ban cho con phần gia sản thuộc về con!" Vậy người cha đã phân chia của cải cho chúng nó. ¹³ Không mấy ngày sau, con thứ thâm góp tất cả vốn liếng mà chạy đi phương xa. Và ở đó, nó sống trác táng đã phá tan sản nghiệp."

¹⁴ "Khi nó tiêu sạch cả rồi, thì khắp miền đó, lại xảy ra nạn đói kém khủng khiếp và nó bắt đầu lâm phải túng thiếu. ¹⁵ Nó đi sống bám nhờ một người dân trong vùng ấy; và người này sai nó ra đồng chăn heo. ¹⁶ Nó ước gì có thể lấy muông muông heo ăn mà thốn cho đầy bụng, mà cũng chẳng có ai mà bố thí cho nó. ¹⁷ Hồi tâm lại, nó nói: Biết bao nhiêu người làm công cho cha tôi có dư thừa bánh ăn, còn tôi thì phải chết đói ở đây! ¹⁸ Thôi dậy! tôi sẽ về cùng cha tôi, tôi sẽ nói với người: "Thưa cha, con đã trót phạm tội nghịch với trời và trước mặt cha; ¹⁹ con không còn đáng gọi là con cha nữa, xin xử với con như một người làm công của cha thôi".

²⁰ "Và nó đã chỗi dậy mà về cùng cha nó."

"Nó còn ở đằng xa, thì cha nó đã thấy nó, và ông chạnh lòng thương: chạy lại, ông bá lấy cổ nó mà hôn lấy hôn để. ²¹ Người con mới nói với ông: "Thưa cha, con đã trót phạm tội nghịch với Trời và trước mặt cha, con không còn đáng gọi là con cha nữa!" ²² Nhưng cha nó đã nói cùng tôi tớ: "Mau mau! đem áo thượng hạng mà mặc cho nó, hãy xỏ nhẫn vào tay nó, và giày vào chân nó; ²³ rồi đem con bò tơ nầy mà hạ đi! ta phải ăn khao mới được, ²⁴ Vì này con

ta đây: nó đã chết mà lại hoàn sinh, đã mất đi mà lại tìm thấy được". Và người ta mở tiệc ăn khao."

²⁵ "Nhưng con cả của ông thì ở ngoài đồng. Thoạt khi nó vừa lại gần nhà, thì nghe có đàn ca múa hát. ²⁶ Chàng gọi một tên đầy tớ lại mà dò hỏi xem có gì thế. ²⁷ Tên đầy tớ nói với chàng: "Ấy em cậu vừa về đó, và cha cậu đã cho hạ bò tơ nầy, vì cụ đã được lại con an lành mạnh khỏe". ²⁸ Chàng liền nổi giận và không thèm vào nhà. Cha chàng phải ra dỗ chàng. ²⁹ Chàng đáp lại mà nói với cha: "Này đã bao nhiêu năm trời, tôi làm cho ông, cũng chưa hề lướt lệnh ông; thế mà có bao giờ ông cho tôi được một con dê con để ăn mừng với chúng bạn. ³⁰ Còn khi thằng con ông này đã ngốn xong cả sản nghiệp của ông với đàn đĩ mà về, thì ông lại hạ bò tơ nầy mừng nó".

³¹ "Cha chàng mới nói: "Này con! con hằng ở luôn với cha, thì tất cả của cải cha đều là của con. ³² Nhưng phải ăn khao mà mừng chớ, vì em con đó, nó đã chết mà lại sống, đã mất đi mà lại tìm thấy được".

▪ **Bối cảnh sơ lược**

Bài Tin Mừng này nằm trong bối cảnh ĐỨC GIÊ-SU LÊN GIÊ-RU-SA-LEM (Lc 9,51 – 19,27). Đây là cuộc hành trình Chúa Giê-su hướng về con đường khổ nạn và sự chết, để rồi Ngài sẽ phục sinh.

Cụ thể hơn, trong chương 14, sau khi Chúa Giê-su dạy dỗ các về việc vác thập giá và từ bỏ hết những gì mình có để đi theo Chúa (Lc 14,25-33), cũng như dụ ngôn về muối (Lc 14,24-35), Chúa Giê-su bắt đầu giảng dạy về lòng thương xót của Thiên Chúa trong chương 15, với phần mở đầu là hình ảnh người Pha-ri-sêu và các kinh sư đã xâm xì nói về Chúa Giê-su: "*Ông này đón tiếp phường tội lỗi và ăn uống với chúng*" (Lc 15,2), vì Chúa tiếp xúc với người thu thuế và những người tội lỗi. Đáp lại tiếng xâm xì của họ, Chúa Giê-su đã kể ba dụ ngôn về lòng thương xót mà các nhà chú giải đánh giá rất cao. Có người còn gọi ba dụ ngôn này là "trái tim của Tin Mừng" hay "Phúc âm trong Phúc âm". Các dụ ngôn đó là:

- (1) Dụ ngôn con chiên bị mất (Lc 15,4-7).
- (2) Dụ ngôn đồng bạc bị đánh mất (Lc 15,8-10), và
- (3) Dụ ngôn dài nhất về hình ảnh người cha nhân hậu (Lc 15,11-32).

Hai dụ ngôn cuối cùng chỉ có Luca viết lại. Còn dụ ngôn đầu tiên về con chiên lạc, Mát-thêu cũng nhắc tới (x.Mt 18,12-14).

Hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu và suy niệm dụ ngôn người Cha nhân hậu.

▪ Cấu trúc đoạn Tin Mừng

Bài Tin Mừng được chia làm 02 phần.

1. Dẫn nhập vào các dụ ngôn lòng thương xót (câu 1-3).
2. Dụ ngôn người Cha nhân hậu (câu 11-32).

Trong phần này có thể chia làm hai đoạn:

- Hình ảnh người con hoang đàng - người con thứ (câu 11-24).
- Hình ảnh người con cả (câu 25-32).

▪ Tìm hiểu và suy niệm

1 Các người thu thuế và các người tội lỗi đều lui tới với Đức Giê-su để nghe Người giảng.² Những người Pha-ri-sêu và các kinh sư bèn xâm xì với nhau: "Ông này đón tiếp phường tội lỗi và ăn uống với chúng."³ Đức Giê-su mới kể cho họ dụ ngôn này:

Các câu đầu tiên nhắc đến khung cảnh mà Chúa Giê-su giảng các dụ ngôn về lòng thương xót. Khung cảnh với các nhân vật: người thu thuế và người tội lỗi cùng Chúa Giê-su. Sau đó là những người Pha-ri-sêu và các kinh sư.

Câu chuyện bắt đầu với việc người thu thuế và người tội lỗi đến với Chúa Giê-su, để nghe Ngài giảng dạy. Trước cảnh tượng này, người Pha-ri-sêu và các kinh sư không hài lòng và đã lên tiếng. Họ lên tiếng theo cách thức nào? Họ không nói thẳng với Chúa, cũng không nói với các môn đệ Chúa, Luca diễn tả họ xâm xì bàn tán với nhau. Câu họ xâm xì Luca viết lại là: "Ông này đón tiếp phường tội lỗi và ăn uống với chúng".

Trước những lời xâm xì này, Chúa Giê-su đã phản ứng bằng cách Ngài kể ba dụ ngôn nổi tiếng về lòng thương xót.

Tuy nhiên, nhóm người thu thuế và tội lỗi là ai? Họ là những người bị người Do-thái thời đó coi là những kẻ vô luân và vô đạo, cuộc sống của họ không

tương hợp với lề luật của Gia-vê Thiên Chúa. Họ không được cộng đoàn chấp nhận. Họ không được tham dự vào trong các sinh hoạt thờ phượng của cộng đoàn. Mọi người tránh xa họ, cô lập họ, cũng không có ai để ý đến việc khuyên can họ và kéo họ về với cộng đoàn. Họ sống ở bên lề xã hội. Vì thế, việc giao du và ăn uống với người thu thuế là một điều cấm kỵ.

Với Chúa Giê-su, những người này lại cần đến Tin Mừng hơn ai hết, vì Chúa đến để cứu chữa những người tưởng rằng đã mất đi. Vì vậy, Chúa chẳng sợ hãi và cũng không màng tới dư luận, Ngài đã “mở cánh cửa” để đón tiếp họ, để chia sẻ với họ, để làm bạn với họ và cùng ăn uống với họ.

Cũng trong phúc âm của Luca, chúng ta nhớ tới hình ảnh của Lê-vi: *“Đức Giê-su đi ra và trông thấy một người thu thuế, tên là Lê-vi, đang ngồi ở trạm thu thuế. Người bảo ông: ‘Anh hãy theo tôi!’ Ông bỏ tất cả, đứng dậy đi theo Người”* (Lc 5,27-28). Sau đó, ông Lê-vi đã tổ chức một bữa tiệc thật lớn để đãi Chúa tại nhà của ông, trong đó có nhiều người thu thuế. Chính những người Pha-ri-sêu và các kinh sư cũng đã lên tiếng giống như vậy: *“Sao các ông lại ăn uống với bọn thu thuế và quân tội lỗi?”* (Lc 5,29). Cuối cùng Chúa đã đáp lại một cách mạnh mẽ về tinh thần và sứ mạng của Ngài: *“Người khoẻ mạnh không cần thầy thuốc, người đau ốm mới cần. Tôi không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi sám hối ăn năn”* (Lc 5,31-32).

Về hình ảnh Chúa Giê-su kêu gọi Lê-vi (cũng là Mát-thêu), Đức Thánh Cha Phanxicô đã viết trong tông chiếu năm thánh Lòng Thương Xót: *“Chúa cũng đã kêu gọi ông Mát-thêu trong bối cảnh của lòng thương xót. Khi đi ngang qua cái quây của người thu thuế, Chúa Giêsu nhìn chăm chú vào Mát-thêu. Đó là một cái nhìn đầy lòng thương xót tha thứ cho những tội lỗi của người này, một kẻ có tội và là người thu thuế, mà Chúa Giêsu đã chọn – bất kể sự do dự của các môn đệ - để trở thành một trong số mười hai. Thánh Bede Đáng Kính, khi bình luận về đoạn Tin Mừng này, đã viết rằng Chúa Giêsu đã nhìn Mát-thêu với tình yêu thương xót và đã chọn ông: *miserando atque eligendo*. Thành ngữ này gây ấn tượng mạnh cho tôi đến mức tôi đã chọn làm khẩu hiệu giám mục của mình”* (số 8).

Một hình ảnh khác về người thu thuế được Chúa Giê-su nhìn đến mà Luca cũng nhắc tới là Da-kêu (x.Lc 19,1-10). Trong câu chuyện này chúng ta chú ý đến hai lời nói của Chúa dành cho Da-kêu. Khi Chúa đến tại cây sung và nhìn

lên và nói với ông: *"Này ông Da-kêu, xuống mau đi, vì hôm nay tôi phải ở lại nhà ông!"* (Lc 19,5). Sau đó ở tại nhà của ông, Chúa nói: *"Hôm nay, ơn cứu độ đã đến cho nhà này, bởi người này cũng là con cháu tổ phụ Áp-ra-ham. Vì Con Người đến để tìm và cứu những gì đã mất"* (Lc 19,9-10).

Qua đó, chúng ta thấy Chúa Giê-su luôn nhìn đến những "phận hèn mọn", những người bị mọi người xa lìa và bỏ rơi. Những người tưởng là không còn gì để cứu chữa, thì Chúa lại đến với họ. Có thể nói, Chúa Giê-su là người Sa-ma-ri nhân hậu nhìn đến những người chìm sâu trong đau khổ, trong tội lỗi. Ngài đến với họ, băng bó các vết thương tâm hồn của họ, xoa đầu của lòng thương xót trên họ, và chữa lành cho họ. Đẹp thay hình ảnh của Thiên Chúa giàu lòng thương xót không bao giờ xa lìa, và khinh dể những phận người tội lỗi và sống ở bên lề xã hội!

Trước khi bước vào dụ ngôn người Cha nhân hậu, chúng ta đọc những lời của Đức Thánh Cha Phanxicô về ba dụ ngôn này trong tông chiếu năm Thánh Lòng Thương Xót: *"Trong dụ ngôn về lòng thương xót, Chúa Giêsu tiết lộ bản tính của Thiên Chúa như một người Cha không bao giờ bỏ cuộc cho đến khi Ngài đã tha thứ kẻ sai phạm và vượt qua sự từ khước với lòng trắc ẩn và thương xót. Chúng ta biết rõ về những dụ ngôn này, đặc biệt là 3 dụ ngôn: con chiên lạc, đồng tiền bị mất, và người cha có hai người con trai (Lc 15,1-32). Trong những dụ ngôn này, Thiên Chúa luôn được mô tả là tràn đầy niềm vui, đặc biệt là khi Ngài tha thứ. Nơi những dụ ngôn ấy, chúng ta tìm thấy cốt lõi của Tin Mừng và đức tin của chúng ta, vì lòng thương xót được trình bày như là một lực vượt qua tất cả mọi thứ, làm đầy trái tim với tình yêu và mang lại ủi an qua sự tha thứ"* (số 9).

¹¹ Rồi Đức Giê-su nói tiếp: "Một người kia có hai con trai.¹² Người con thứ nói với cha rằng: "Thưa cha, xin cho con phần tài sản con được hưởng. Và người cha đã chia của cải cho hai con.¹³ Ít ngày sau, người con thứ thu góp tất cả rồi trốn đi phương xa. Ở đó anh ta sống phóng đãng, phung phí tài sản của mình. ¹⁴ "Khi anh ta đã ăn tiêu hết sạch, thì lại xảy ra trong vùng ấy một nạn đói khủng khiếp. Và anh ta bắt đầu lâm cảnh túng thiếu,¹⁵ nên phải đi ở đợ cho một người dân trong vùng; người này sai anh ta ra đồng chăn heo.¹⁶ Anh ta ao ước lấy đậu muồng heo ăn mà nhét cho đầy bụng,

nhưng chẳng ai cho.¹⁷ Bấy giờ anh ta hồi tâm và tự nhủ: "Biết bao nhiêu người làm công cho cha ta được com dư gạo thừa, mà ta ở đây lại chết đói!¹⁸ Thôi, ta đứng lên, đi về cùng cha và thưa với người: "Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với cha,¹⁹ chẳng còn đáng gọi là con cha nữa. Xin coi con như một người làm công cho cha vậy.²⁰ Thế rồi anh ta đứng lên đi về cùng cha. Anh ta còn đang ở đằng xa, thì người cha đã trông thấy. Ông chạnh lòng thương, chạy ra ôm cổ anh ta và hôn lấy hôn để.

²¹ Bấy giờ người con nói rằng: "Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con cha nữa. ..²² Nhưng người cha liền bảo các đầy tớ rằng: "Mau đem áo đẹp nhất ra đây mặc cho cậu, xỏ nhẫn vào ngón tay, xỏ dép vào chân cậu,²³ rồi đi bắt con bê đã vỗ béo làm thịt để chúng ta mở tiệc ăn mừng!²⁴ Vì con ta đây đã chết mà nay sống lại, đã mất mà nay lại tìm thấy. Và họ bắt đầu ăn mừng.

Theo nhiều nhà chú giải Thánh Kinh và Thần Học gia, đây là dụ ngôn đẹp nhất của Chúa Giê-su. Dụ ngôn này thường được gọi là “dụ ngôn người con hoang đàng”. Gọi như vậy, bởi vì coi người con đi hoang (người con thứ) là nhân vật nổi bật trong câu chuyện, với số phận của anh ta. Tuy nhiên, theo một số học giả như Joachim Jeremias, thì dụ ngôn này nên được gọi là “dụ ngôn người cha nhân hậu”, vì chính người Cha mới là nhân vật trung tâm của câu chuyện.

Ngoài ra, cũng có tác giả, như Pierre Grelot, nhấn mạnh đến hình ảnh của hai anh em trong dụ ngôn, nên muốn gọi là “dụ ngôn hai người anh em”. Hơn nữa, còn liên hệ đến hai anh em (hai nhóm người) được nhắc đến trong câu 1-3 của đoạn 15 này: (1) người thu thuế và người tội lỗi. (2) Pha-ri-sêu và các thầy kinh sư.

Giờ đây, chúng ta tìm hiểu và suy niệm dụ ngôn này. Dụ ngôn Chúa Giê-su diễn tả có 03 nhân vật chính: Người Cha và hai người con. Chúng ta có thể mừng tụng về một người cha với gia đình giàu có ở vùng nông thôn tại Palestina, bởi vì ông có thể mướn thợ làm công và trả lương cao cho họ, cũng

như ông có thể làm thịt ngay một con bê béo, và thuê nhạc công mừng ngày con đi hoang trở về.

Phần đầu tiên của câu chuyện có sự xuất hiện của người con thứ và người Cha (câu 11-24). Đoạn này, theo Pierre Cardon có một cấu trúc song song:

1. Một người con hư hỏng – “hãy chia gia tài cho con”.
2. Cửa cái bị phung phí trong cuộc sống trác táng.
3. Tất cả đều hỏng bét – anh ta tiêu xài tất cả và cảm thấy thiếu thốn mọi thứ.
4. Tội nặng – nuôi heo cho những người ngoại đạo.
5. Hoàn toàn bị bỏ rơi – không ai cho anh ta ăn thứ gì cả.
6. Thay đổi tấm lòng – hồi tâm - ở đây tôi chết mất.
- 6'. Bắt đầu ăn năn – xin đối xử với con như một người đầy tớ.
- 5'. Tiếp đón ân cần – người Cha chạy ra đón và ôm hôn người con.
- 4'. Hết lòng ăn năn – con không đáng được gọi là con cha nữa.
- 3'. Thăng lợi – một cái áo choàng, một chiếc nhẫn, đôi giày; phục hồi tình Cha con.
- 2'. Cửa cái được dùng để mở tiệc mừng.
- 1'. Người con trai được tìm thấy – con tôi đã chết mà nay đã sống lại; đã mất mà nay lại tìm thấy.

Theo cấu trúc này, có 12 đoạn tương ứng với nhau trong một lược đồ song song đảo ngược. Phần cuối đảo ngược lên phần đầu. Chính giữa có một khúc ngoặt. Phần đầu với 06 đoạn chỉ ra ham muốn vật chất, những mất mát, những nhu cầu. Phần thứ hai với 06 đoạn khác nói đến sự phục hồi nhân cách của người con đi hoang trở về, và niềm vui đến sau đó.

Ngoài ra, cũng có thể nhìn cấu trúc song song này dưới hình bậc thang giữa hai tổ hợp các đoạn:

Sáu đoạn đầu tiên:

Câu chuyện thứ nhất.

Người con trốn đi.

Theo nhu cầu, không hối hận.

Trở thành người chăn heo.

Không có gì ăn.

Anh ta gặp nguy khốn.

Sáu đoạn cuối cùng:

Câu chuyện thứ hai.

Người con trở về.

Theo nhu cầu, lòng đầy hối hận.

Trở thành người con được kính nể.

Ăn bê béo.

Anh ta được sống.

Ngoài ra, cũng nên chú ý về từ ngữ “cha” được nhắc cả thảy 14 lần trong phần này về câu chuyện người con thứ (từ câu 11-24).

Đi vào dụ ngôn, chúng ta thấy trước hết người con thứ xuất hiện trong câu chuyện, với việc anh ta xin với cha mình về phần tài sản anh ta được hưởng: *“¹¹ Rồi Đức Giê-su nói tiếp: Một người kia có hai con trai.¹² Người con thứ nói với cha rằng: Thưa cha, xin cho con phần tài sản con được hưởng. Và người cha đã chia của cải cho hai con”*.

Về phần tài sản con được hưởng, cha Vũ Phan Long giải thích: Theo tập tục xứ Palétina, một người cha có thể định đoạt về của cải của ông hoặc bằng một di chúc (*diathêkê*) được thi hành sau khi ông qua đời (*Ds* 36,7-9; 27,8-11) hoặc bằng một tặng-dữ ban cho các con trong khi ông còn sống (*dôrêma*; *x. Hc* 33,19-23). Trường nam được hưởng “hai phần sản nghiệp”, nghĩa là gấp đôi phần được ban cho mỗi người con khác (*Đnl* 21,17). Ở đây, vì chỉ có hai đứa con, người con cả được nhận hai phần ba và người con thứ nhận một phần ba. Khi đó, người con có quyền sở hữu, nhưng quyền thu hoa lợi vẫn thuộc về người cha cho đến khi ông qua đời. Nếu người con bán phần gia sản của mình, người mua chỉ được nhận lấy sau khi người cha chết. Khi làm như thế, người con sẽ không còn có quyền đòi hỏi gì về của cải, cả về vốn lẫn lãi.

Theo Pierre Cardon, lời yêu cầu của người con thứ có ý nghĩa rất nặng nề. Bởi lẽ, không có luật hoặc truyền thống nào nơi người Do-thái hoặc người Ả-rập qui định chia cho con cái một phần của cải của cha, bao lâu người cha còn sống. Đàng khác, không có người cha nào thoả mãn một yêu cầu tương tự; trái lại, ông ta sẽ sửa phạt đứa con, bởi vì một đòi hỏi như thế tương ứng với việc cầu mong cho cha mình chết. Đối với hình ảnh và cách xử sự của người con hoang đàng, chúng ta thấy đó là điều không bình thường chút nào; anh ta đòi chia phần gia tài của mình, sau đó anh ta đối xử với cha như thể cha mình đã chết. Điều này cho thấy có một sự cắt đứt quan hệ sâu xa giữa hai cha con. Đứa con này thực sự đã hư hỏng! Anh ta cô lập chính mình, cắt đứt với cội nguồn của mình; anh ta đòi hỏi quyền tự chủ tuyệt đối với cha anh ta. Giống như tội nguyên tổ, trong đó con người đòi hỏi quyền tự chủ đối với Thiên Chúa: “Tôi quyết định điều gì tốt điều gì xấu; tôi xác định điều gì đúng đắn”.

Mục đích của việc người con xin phần tài sản anh ta được hưởng là gì? Trong các câu kể tiếp chúng ta đã nhận ra, là anh ta muốn dùng của cải này để “hưởng thụ”. Khi nghe người con xin như vậy, người cha có cho không? Nếu là người cha trong câu chuyện, bạn sẽ phản ứng thế nào về lời xin của người con? Luca kể tiếp rằng, người cha đã chia tài sản cho hai người con. Đó là sự quảng đại đặc biệt của người cha. Và với việc ông trao tài sản cho người con thứ là dấu hiệu ông để cho anh ta được tự do. Chắc chắn, người cha có thể thấy trước đứa con út của ông sẽ làm điều gì với của cải, nhưng vẫn để cho anh ta tự do đi theo con đường của anh ta.

Theo Pierre Cardon, Thiên Chúa tôn trọng sự tự do của con người, và để cho con người hoàn toàn chịu trách nhiệm về chính mình; bởi vì Ngài biết rằng sự tin tưởng và tình yêu phải là những điều tự do. Ở đây, chúng ta có thể nói rằng người cha đi vào cuộc chơi, ông ấy “làm như là mình đã chết”. Nhưng nếu Thiên Chúa đã chết trong cuộc đời của mình, thì người ta nhanh chóng khám phá rằng con đường này dẫn đến cái chết. Thiên Chúa tôn trọng sự tự do, nhưng sự tự do sai lầm biến mình thành nô lệ.

Câu chuyện kể tiếp rằng: *“Ít ngày sau, người con thứ thu góp tất cả rồi trốn đi phương xa. Ở đó anh ta sống phóng dăng, phung phí tài sản của mình”*.

Ở đây, Ratzinger suy tư rất sâu sắc, người con *trốn đi phương xa*. Các giáo phụ giải thích điều này như một sự ra rời nội tâm khỏi thế giới của người Cha – thế giới của Thiên Chúa – sự đổ vỡ nội tâm của liên hệ này, đem những gì thuộc về mình đi thật xa. Người con phung phí tài sản của mình; nó chỉ muốn hưởng thụ, chỉ muốn sử dụng cuộc sống của nó cho đến tận cùng, có được “cuộc sống tràn đầy” như nó muốn. Nó không muốn chịu đựng một giới luật, một thẩm quyền nào cả: nó đi tìm sự tự do triệt để, chỉ muốn sống cho bản thân, không sống cho bất cứ một đòi hỏi nào. Nó hưởng thụ cuộc sống, cảm thấy hoàn toàn độc lập... Thuật ngữ Hy Lạp nằm trong dụ ngôn để chỉ tài sản bị phung phí, có ý nghĩa trong triết học Hy Lạp là “bản chất”. Người con đi hoang phung phí “bản chất” của mình, phung phí chính bản thân mình.

Hậu quả của sự phung phí của cải là gì? *“¹⁴ Khi anh ta đã ăn tiêu hết sạch, thì lại xảy ra trong vùng ấy một nạn đói khủng khiếp. Và anh ta bắt đầu lâm cảnh túng thiếu,¹⁵ nên phải đi ở đợ cho một người dân trong vùng; người này sai anh ta ra đồng*

chăn heo.¹⁶ Anh ta ao ước lấy đậu muông heo ăn mà nhét cho đầy bụng, nhưng chẳng ai cho”.

Tất cả đều tiêu sạch rồi. Vâng, ăn và chơi mà không làm, thì dù “món quà tương lai” có lớn kếp sù bao nhiêu, một ngày nào đó túi đầy tràn của ngày đầu tiên bước vào đời sẽ trở nên rỗng tuếch. Thê thảm thay phận người tham lam không đầy mà lại còn thích phung phí của trời! Rỗng tuếch sẽ hoàn rỗng tuếch. Cuối cùng, phận người đó đã rơi vào nơi mà anh ta chẳng bao giờ nghĩ tới, và cũng chẳng bao giờ muốn mơ tới. Nơi đó chẳng còn tiếng cười của bè bạn, nơi đó chẳng còn cốc rượu ngon của ngày nào, nơi đó chỉ còn bóng hình lam lũ cô đơn là chính anh đang ngồi bên cạnh những bóng hình không phải là người: một bầy heo. Con heo trong đôi mắt của người Do Thái là con vật dơ bẩn và gây nên biết bao ô uế. Vì thế, mọi người cần phải tránh xa con thú vật đó, nhưng phần anh ta, cũng là người Do Thái đấy, cũng là con cháu Áp-ra-ham đấy, lại phải sống chung với lũ heo kia. Vẫn biết rằng, anh ta là người chăn heo đấy, nhưng chưa chắc số phận của người chăn heo lại sướng hơn lũ heo đâu. Đọc kỹ, thì thấy đúng là vậy. Trong con đói khổ, anh ta ao ước lấy cám heo mà ăn nhưng chẳng ai cho. Nhìn lũ heo ăn xong lăn ra ngủ với cái bụng tròn căng, mà lòng anh quặn đau.

Tất cả đều tiêu sạch rồi. Theo Ratzinger, con người cảm thấy hoàn toàn tự do giờ đây trở thành kẻ nô lệ thực sự. Con người xem tự do như sử dụng triệt để ý muốn và khả năng của mình, thực sự sống trong sự đối trá, vì trong bản chất, vị trí của con người thuộc về cộng đoàn; tự do của mình là sự tự do để chia sẻ với người khác; bản chất của nó đã mang sẵn định hướng và kỷ luật nơi mình, và tự do đích thực chỉ có khi hợp nhất thực sự với các kỷ luật này. Vì thế, sự độc lập sai lệch chỉ đưa đến nô lệ: câu chuyện cho chúng ta thấy điều này cách rõ rệt – chăn heo biểu lộ sự tha hoá và sự cùng cực triệt để của con người. Một người hoàn toàn tự do lại trở thành một kẻ nô lệ đáng thương.

Nhưng ngay chính ở trong hoàn cảnh thê lương của kẻ nô lệ, một giao động mới và tích cực xuất hiện: “¹⁷ Bấy giờ anh ta hồi tâm và tự nhủ: ‘Biết bao nhiêu người làm công cho cha ta được cơm dư gạo thừa, mà ta ở đây lại chết đói!’¹⁸ Thôi, ta đứng lên, đi về cùng cha và thưa với người: Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với cha,¹⁹ chẳng còn đáng gọi là con cha nữa. Xin coi con như một người làm công cho cha vậy’.²⁰ Thế rồi anh ta đứng lên đi về cùng cha”.

Ở bên cạnh đàn heo, sự đau khổ với cái đói đang làm cho bao tử của anh “kêu oan” và đã đánh động lòng anh, bắt đôi mắt anh đang thèm thường nhìn bầy heo no say, phải ngẩng đầu hướng nhìn về mái nhà thân yêu của mình, về hình ảnh của người Cha yêu dấu. Chẳng biết tại sao lúc này anh lại nghĩ về Cha, về nhà mình? Phải chăng vì đói, vì ao ước có được bữa ăn no bụng của những người đầy tớ trong nhà anh, nên anh làm thế. Chắc chắn rồi! Nhưng không chỉ thế. Điều sâu xa thúc đẩy anh hướng lòng về Cha, về ngôi nhà thân yêu của mình chính là tình yêu người Cha dành cho anh. Khi cho anh của cải anh được hưởng, người cha cũng cho anh chính tình yêu của Cha. Tình yêu đó đồng hành với anh không chỉ trong mái nhà thân yêu của những ngày ấu thơ, mà còn theo anh lên đường đến những nơi anh đi tìm hoan lạc. Và tình yêu đó cũng sẵn sàng chia sẻ số phận lam lũ nghèo hèn của anh, ngay tại chuồng thú hôi hám và dơ bẩn kia. Một tình yêu cao quý và trong sạch của Cha luôn ở bên người con yêu dấu, dù người con đó bị biến dạng như thế nào đi nữa.

Chính tình yêu cao cả của người Cha là động lực giúp anh hồi tâm và sám hối. Vâng, nếu anh còn ở trong nhà, thì anh là con người tự do, còn bây giờ những người nô lệ của cha còn tự do hơn anh, là người tương mình thật sự tự do. Theo Ratzinger, sự sám hối, sự “quay trở lại” nằm ở chỗ anh nhận thức, mình đã bị tha hoá, đang sống nơi “miền đất lạ”, trở thành người xa lạ với chính bản thân và bây giờ anh muốn trở lại với bản thân. Trong thâm tâm, anh quyết tâm tìm về với cha, về sự tự do đích thực của một người con. Những lời anh chuẩn bị khi trở về nhà cho chúng ta thấy việc chuyển đổi nội tâm của anh ta thật sâu rộng mà anh đã trải qua. Đó là con đường phải trải qua của hiện sinh, bây giờ - sau khi đi qua biết bao nhiêu sa mạc – nay trở về nhà”, trở về với chính mình và với cha. Anh ta bước đến chân lý cuộc sống của mình và “trở về nhà”. Với cách chú giải thật “hiện sinh”, các giáo phụ muốn giải thích ý nghĩa “sự quay về” bao gồm biết bao đau khổ và thanh luyện nội tâm; chúng ta có thể nói, các ngài đã hiểu đúng bản chất của dụ ngôn và giúp chúng ta nhận ra tính thời sự của nó.

Câu chuyện kể tiếp: “Anh ta còn đang ở đằng xa, thì người cha đã trông thấy. Ông chạnh lòng thương, chạy ra ôm cổ anh ta và hôn lấy hôn để.”²¹ Bây giờ người con nói rằng: ‘Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con cha nữa...’²² Nhưng người cha liền bảo các đầy tớ rằng: “Mau đem áo đẹp nhất ra đây mặc cho cậu, xỏ nhẫn vào ngón tay, xỏ dép vào chân cậu,²³ rồi đi bắt con bê đã vỗ béo

làm thịt để chúng ta mở tiệc ăn mừng!²⁴ Vì con ta đây đã chết mà nay sống lại, đã mất mà nay lại tìm thấy. Và họ bắt đầu ăn mừng”.

Khi người con về tới đầu làng, thì đã thấy bóng dáng của Cha đang đứng trước nhà như đang trông mong mình. Nhưng không chỉ là “như”, mà là thật vậy. Tình yêu đã thúc đẩy Cha hàng ngày ra trước cửa nhà để trông ngóng “một phần” của mình trở về. Và vui sướng biết bao nhiêu, sau bao ngày mong ngóng, thì hôm nay đôi mắt cha thấy bóng dáng kia đang lui thui trở về. Nhưng làm sao ông có thể nhận ra hình dáng lam lũ kia, không còn mang chiếc áo sạch sẽ của ngày nào, với tấm thân gầy còm không mang hình hài của người con ngày xưa, đang lê bước với đôi chân trần nặng trĩu của ngày hôm nay? Phải chăng tình yêu đồng hành của Cha luôn trong sáng, đến nỗi không có vết bẩn nào của cuộc đời có thể cản trở làm cho Cha không còn nhận ra con mình, dù đứa con đó có ra thế nào đi nữa.

Vì thế, Cha đã chạy lại ôm cổ con mình và hôn lấy hôn để. Một tình yêu không sợ ô uế bởi cái mùi phảng phất của lũ heo đang ám ảnh trên thân phận lam lũ kia. Một tình yêu dù chẳng mắc nợ gì, nhưng vẫn trả lại cho con những nụ hôn nồng nàn. Những nụ hôn nồng nàn và không ngừng đó như là tất cả những nụ hôn được cộng lại, tính từ ngày đứa con lên đường đi hoang cho đến ngày trở về hôm nay. Nhưng cái cộng lại đó không chỉ mang tính cách số lượng, mà cao quý hơn còn mang tính cách chất lượng. Chất lượng của lòng, của tâm, của chiều sâu nhất trong Cha. Vâng, Cha đã ôm hôn con với tình yêu của lòng mình dành cho con. Tình yêu tỏa ngát hương thơm trên thân xác hôi hám của đứa con hoang đàng. Thật không có mùi nước hoa nào thơm bằng mùi nước hoa của tình yêu!

Chính lúc ở trong vòng tay của Cha, người con đã thành thật lên tiếng thưa với Cha lời mà anh đã chuẩn bị khi còn là người chăn heo, còn là kẻ nô lệ. Anh ta nói gì? *“Thưa Cha, con thật đắc tội với Trời và với Cha, chẳng còn đáng gọi là con cha nữa...”*. Một lời ăn năn phát xuất từ tấm lòng sâu thẳm của anh. Chính giây phút anh thốt lên lời này, hai tâm hồn đã gặp lại nhau và ôm hôn nhau thật thấm thiết. Tâm hồn của Cha với tình yêu giàu lòng thương xót, và tâm hồn thống hối ăn năn của người con một thời đi hoang đã tìm lại nhịp đập chung.

Nhưng tại sao lời nói của anh chỉ có vậy? Dấu ba chấm trong câu để lửng như mang một ý nghĩa gì đó. Đọc kỹ lại lời nói người con chuẩn bị trước đó, mới thấy rằng, phần cuối của câu đã bị cắt đứt. Phần đó diễn tả điều gì? *“Xin coi*

con như một người làm công cho Cha vậy". Đây là lời cầu xin mà người con chuẩn bị để thưa với Cha. Nhưng vì bị Cha cắt lời giữa chừng, nên người con không nói hết câu được. Tại sao lại vậy? Phải chăng người Cha thấu biết điều đưa con xin? Chẳng biết nữa, nhưng dù sao một lời cầu xin dù thành tâm đầy, nhưng chưa chắc là hợp lý. Cái hợp lý của tình yêu khác với lô-gic của cái đầu. Làm sao Cha có thể chấp nhận lời cầu xin của đứa con, dù đã từng một thời bỏ Cha, bỏ nhà đi hoang, giờ đây không còn muốn giữ phẩm giá cao quý là con, mà xin xuống làm hàng đầy tớ. Không, không thể chấp nhận được. Cái bỏ lửng với ba dấu chấm sao mà tuyệt vời đến vậy! Ăn năn thống hối và trở về với lòng thành tâm sẽ hoàn lại tất cả những gì đã mất. Hay nói đúng hơn, tình yêu của Cha không thể mất dù người con có "quay lưng", có chối từ và bỏ đi. Mùi nước hoa tình yêu của Cha một lần đã xúc lên thân xác và tâm hồn đứa con, thì mùi hương thơm đó sẽ tồn tại mãi mãi. Không có mùi nào khác trong cuộc đời, dù có hôi có nặng đến mấy, có thể "chiếm chỗ" của hương thơm tình yêu. Cũng thế, hương thơm tỏa ra từ ngày được làm con vẫn thế. Con mãi mãi là con, chứ không có gì đổi thay. "Đầy tớ", hai chữ này không có chỗ trong tình yêu của Cha dành cho con.

Vì là con, và vì con là một phần của chính Cha nữa, nên giờ đây con phải được tỏ lộ vẻ đẹp cao quý của Cha nơi mình. Không chỉ là cái đẹp của lòng bên trong, mà mọi người cần phải nhìn thấy cả nét đẹp tỏ lộ ra bên ngoài. Cái đẹp của chiếc áo mới, mà lại là áo đẹp nhất nữa chứ. Áo đẹp nhất mới xứng hợp với hương thơm của nước hoa tình yêu đang tỏa ngát trên thân xác và con người cậu. "Cậu" chứ không phải là người xa lạ bên ngoài mới tới. Vì thế, các người làm công và đầy tớ cũng cần phải chú ý vẫn giữ một tấm lòng trân trọng đối với người con của Cha, dù đã một thời lầm lẫn đi hoang. Phải gọi người con đó là "Cậu", chứ không thể thay đổi gì cả. Cuộc đời có nhiều quá khứ, quá khứ với cái đẹp, quá khứ với cái xấu, quá khứ với an bình, quá khứ với khổ đau. Dù xấu dù đẹp, dù an bình dù khổ đau, nhưng tình yêu vẫn là tình yêu. Mọi sự sẽ qua đi, nhưng tình yêu Chúa mãi mãi tồn tại. Tình yêu của Cha không bao giờ chỉ thuộc về quá khứ. Tình yêu của Cha không bao giờ bị giam hãm trong "chiếc tủ" quá khứ. Tình yêu của Cha làm mới tất cả. Tình yêu Cha có sức mạnh làm cho người con vượt trên xấu và trên đẹp, trên khổ đau và trên an bình, để con vẫn luôn là con, để con vẫn được phép đeo vào chiếc nhẫn cao quý trên tay mình. Khi trở về lại với vị trí làm con, là người con nhận lại được "mảnh đất" cao quý và tràn đầy yêu thương trong nhà cha. Trên mảnh đất đó, người con cần được xỏ vào đôi dép của tình yêu. Đôi dép của lòng nhân hậu giúp cho con lại tiếp tục sống vui trong đời.

Mỗi niềm vui đến mà không được “ăn mừng”, thì sẽ nhanh chóng bị quên đi, bị đẩy lui vào dĩ vãng, và tiếc hơn vì giá trị của niềm vui đó vẫn chưa được khám phá cho đủ. Vì thế, cần phải mở tiệc ăn mừng. Làm sao không ăn mừng được? Đồng bạc đánh mất, và tìm thấy vẫn mở tiệc ăn mừng; con chiên lạc đàn, khi tìm lại, được ăn mừng lớn hơn. Còn người con “đã mất nay tìm thấy, đã chết mà nay sống lại”, thì phải ăn mừng sao cho đủ đây? Phải chuẩn bị bữa tiệc cho thật linh đình, nên cần phải đi bắt con bê đã vỗ béo làm thịt để chúng ta mở tiệc ăn mừng. Mà lạ thay tại sao lại là “con bê đã vỗ béo”? Phải chăng, con bê này đã được chăm sóc, đã được “vỗ béo” một cách cẩn thận, và chỉ để dành cho bữa tiệc đón “Cậu” trở về? Một bữa tiệc của tình yêu, một bữa tiệc của lòng thương xót. Bữa tiệc mừng “một phần của chính Cha” đã tìm lại được. Bữa tiệc mừng sự hiệp nhất của tình yêu, bữa tiệc của sự trọn hảo của Cha - Đấng giàu lòng thương xót dành cho con mình. Bữa tiệc tràn đầy niềm vui của lòng thương xót.

Suy niệm đến đây, chúng ta gặp một câu hỏi về gương mặt của người Cha mà thần học gia Ratzinger đặt ra: “Gương mặt này có thể đón nhận được không? Một người cha có thể hành động như vậy được không? Grelot nhấn mạnh, Đức Giê-su căn cứ vào Cựu Ước để nói: hình ảnh nguyên thủy để nhìn Thiên Chúa, của người Cha nằm trong đoạn Hs 11,1-9. Trước tiên bản văn nói về việc tuyển chọn Ít-ra-en và về việc bất trung của họ: “Ta càng gọi chúng, chúng càng bỏ đi; chúng dâng hy lễ cho các Baal, đốt hương kính ngẫu tượng” (11,2). Thiên Chúa thấy dân này bị đánh tan tác, gươm giáo phá huỷ các thành phố của chúng (11,6). Rồi xảy đến với Thiên Chúa y như dụ ngôn diễn tả: “Hỡi Ephraim, Ta từ chối ngươi sao nổi! Hỡi Ít-ra-en...Tim Ta chống lại Ta, sự cảm thông sâu xé Ta. Ta sẽ không hành động theo con nóng giận, sẽ không tiêu diệt Ephraim nữa, vì Ta là Thiên Chúa, chứ không phải người phạm. Ở giữa ngươi, Ta là Đấng Thánh” (11,8-9). Vì Thiên Chúa là Thiên Chúa, là Đấng Thánh, nên đã hành động không như con người. Thiên Chúa có trái tim và trái tim này chống lại chính mình; ở đây chúng ta gặp nơi ngôn sứ cũng như trong Phúc Âm thuật ngữ *cảm thông*, thuật ngữ này nói lên hình ảnh dạ của mẹ. Trái tim của Thiên Chúa chuyển đổi con giận và chuyển hình phạt thành tha thứ.

Ngoài ra, liên hệ đến cuộc sống của đời người, chúng ta thấy hồi tâm sám hối là một hành động rất căn bản. Mỗi dịp mùa Chay về chúng ta đều được nhắc nhớ *hãy sám hối*. Khi sám hối, chúng ta đứng trước Thánh Giá Chúa Giê-su, để chiêm ngắm chính lòng thương xót vô bờ của Ngài, Đấng đã nói với người

trộm lành, khi anh ta sám hối cách thành tâm : “Ông Giê-su ơi, khi ông vào Nước của ông, xin nhớ đến tôi! Và Người nói với anh ta: Tôi bảo thật anh, hôm nay, anh sẽ được ở với tôi trên Thiên Đàng” (Lc 23,42-43).

Pierre Cardon đã suy tư như sau, chính trước mặt Chúa Ki-tô, Đấng hoà giải chúng ta với chính chúng ta, mà chúng ta mới có thể thực sự nhận ra ác tâm của chúng ta và sự hung hăng của chúng ta chống lại chúng ta. Chính trước sự cứu độ của chúng ta mà chúng ta mới có thể nhận ra độ sâu của việc chúng ta mất đi. Chính khi chúng ta được tìm thấy thì chúng ta mới thực sự khám phá ra rằng mình đã bị mất đi. Chỉ khi đứng trước Chúa Ki-tô chịu đóng đinh (x.thánh Inhaxiô), xoá bỏ mọi sự mất đi, mà tôi mới có thể sáng suốt nhìn nhận tội lỗi của mình, sự trốn chạy của mình, mà không bị chúng đê bẹp, bởi vì tôi nhìn nhận tình yêu vô cùng của Thiên Chúa. Chính lúc đứng trước Thánh Giá mà tôi mới có thể nhìn thấy tôi không có gì che đậy cũng không tìm cách trốn chạy chính mình; bởi vì tình yêu của Thiên Chúa lớn lao hơn lỗi lầm của tôi. Do đó, có một cách để con người nhận ra sự cứu độ của mình đồng thời với sự khốn khổ của mình: Chúa Giê-su Ki-tô. Chạy trốn là không chịu nhận trách nhiệm về điều ác mà mình đã làm, nghĩa là “đó không phải là lỗi của tôi”. Khi đã hiểu Chúa rồi, chúng ta có thể nói: “Đó là lỗi của tôi, nhưng Thiên Chúa là Đấng cao cả hơn sẽ tha thứ cho tôi”.

Thật vậy, đối với Thiên Chúa, chúng ta còn quý giá hơn sự đau khổ mà Ngài phải chịu vì chúng ta. Chúng ta quý giá hơn vết thương mà chúng ta gây ra cho Ngài. Chính vì thế, mà Ngài luôn có mặt bên cửa sổ và chờ đợi. Ôi một Thiên Chúa là Đấng chờ đợi, Đấng chờ đợi chúng ta! Vâng, điều thu hút sự quan tâm của Thiên Chúa, không phải là tội lỗi chúng ta, mà là việc chúng ta quay trở về nhà. Để cuối cùng, Ngài trao ban hồng ân tha thứ và mở tiệc đón mừng chúng ta, những kẻ đã mất nay lại tìm thấy, những người đã chết nay sống lại.

Đó là về câu chuyện của người con thứ với người cha. Còn người con cả thì như thế nào ? Từ câu 25 đến câu 32 Luca kể về người con cả và phản ứng của anh ta về việc cha đón tiếp sự trở về của em mình.

²⁵ Lúc ấy người con cả của ông đang ở ngoài đồng. Khi anh ta về gần đến nhà, nghe thấy tiếng đàn ca nhảy múa,²⁶ liền gọi một người đầy tớ ra mà hỏi xem có chuyện gì.²⁷ Người ấy trả lời: "Em

cậu đã về, và cha cậu đã làm thịt con bê béo, vì gặp lại cậu ấy mạnh khoẻ.²⁸ Người anh cả liền nổi giận và không chịu vào nhà. Nhưng cha cậu ra năn nỉ.²⁹ Cậu trả lời cha: "Cha coi, đã bao nhiêu năm trời con hầu hạ cha, và chẳng khi nào trái lệnh, thế mà chưa bao giờ cha cho lấy được một con dê con để con ăn mừng với bạn bè.³⁰ Còn thắng con của cha đó, sau khi đã nuốt hết của cải của cha với bạn điếm, nay trở về, thì cha lại giết bê béo ăn mừng!

³¹ "Nhưng người cha nói với anh ta: "Con à, lúc nào con cũng ở với cha, tất cả những gì của cha đều là của con.³² Nhưng chúng ta phải ăn mừng, phải vui vẻ, vì em con đây đã chết mà nay lại sống, đã mất mà nay lại tìm thấy".

Trong hình ảnh của người anh cả, Chúa Giê-su nghĩ đến những người cụ thể là tầng lớp lãnh đạo và nhất là những người ưu tú trong tôn giáo thời đó – những người công chính tuân giữ lề luật cách kỹ lưỡng, trong khi người con thứ đại diện cho những người bé mọn và tội lỗi ở Ít-ra-en.

Trước khi đi vào phần này nói về người con cả, Pierre Cardon đã chú ý một điều thú vị liên quan đến người con cả ở trong phần mở đầu của câu chuyện (từ câu 11-13). Người con cả được nhắc đến hai lần trong phần mở đầu này. Câu 11 nói về người cha có hai người con và câu 12 nói là cả hai người con đều nhận được của cải của cha chia cho. Như thế, người con cả cũng được nhận phần của anh ta.

Ở đây, chúng ta chờ đợi người con cả phản ứng theo hai cách. Thứ nhất anh ta lẽ ra phải lên tiếng từ chối chấp nhận phần của mình, chống lại những hậu quả của đòi hỏi do em mình đưa ra. Thứ hai người con cả cần lên tiếng và giữ vai trò hoà giải theo truyền thống, mà sự căng thẳng nhất định xảy ra qua việc người em của anh ta đưa ra nói với cha. Nhưng sự im lặng của anh ta từ chối nhận vai trò này. Cho dù người anh cả có ghét em mình đi nữa, thì anh ta cũng nên làm một điều gì đó để thử hoà giải, ít ra là vì lòng kính trọng cha của mình. Nhưng anh ta im lặng và điều này nói lên rằng có vấn đề gì đó trong quan hệ giữa người con cả và người cha. Anh ta biết rằng yêu cầu của em mình không phù hợp, như thế lẽ ra anh ta từ chối và phải đưa ra lời tuyên bố trung thành mãi mãi với cha. Nhưng không, anh ta im lặng chấp nhận.

Đó là một vài suy tư về sự im lặng và thái độ của người anh cả trong phần đầu. Giờ đây tiếp tục câu chuyện với hình ảnh người con cả của ông đang ở ngoài đồng. Khi anh ta về gần đến nhà, nghe thấy tiếng đàn ca nhảy múa, liền gọi một người đầy tớ ra mà hỏi xem có chuyện gì.

Với điều này, chúng ta nhận ra rằng người ta không chờ đợi người con cả về để ăn mừng. Theo Pierre Cardon, không phải người ta quên anh ta, nhưng niềm vui của người cha quá lớn, và đã mở tiệc ngay để cùng ăn mừng. Người cha tin rằng, người con cả cũng bày tỏ cùng một niềm vui như ông và chấp nhận người em trở về của mình, và hoà chung niềm vui với mọi người, như sau đó người cha đã nói với anh ta: *“chúng ta phải ăn mừng, phải vui vẻ, vì em con đây đã chết mà nay lại sống, đã mất mà nay lại tìm thấy”*.

Đó là niềm hy vọng của người cha, nhưng người anh cả có hiểu được tấm lòng của cha không? Có cảm thấy niềm vui của cha lớn lao thế nào, khi người con thứ là chính em của anh ta đi hoang trở về không? Tiếc rằng, người con cả đã không hiểu gì cả. Sau khi nghe người đầy tớ cách nghĩa lý do của buổi tiệc, anh ta đã phản ứng không hài lòng cách mạnh mẽ: *“Em cậu đã về, và cha cậu đã làm thịt con bê béo, vì gặp lại cậu ấy mạnh khoẻ. Người anh cả liền nổi giận và không chịu vào nhà”*.

Thái độ của anh ta nói lên điều anh không đồng ý với sự đại lượng bao dung của cha. Có lẽ do lòng ghen tị, nên có thể anh coi thái độ của cha là sự yếu đuối. Hơn nữa, anh ta coi cách xử sự và đón nhận của Cha với đứa em đi hoang trở về là bất công cho anh ta. Một người em đã phung phí hết của cải được hưởng với bọn điếm, bây giờ cha không la rầy mắng chửi, mà còn đón nhận với một bữa tiệc lớn nữa. Theo Ratzinger, điều này đi ngược với ý nghĩa công bằng của anh: một đời sống lao động như anh đang sống, xem ra không quan trọng so với quá khứ đen tối của kẻ khác.

Anh ta cảm thấy cay đắng và lên tiếng nói với cha, khi cha ra với anh để năn nỉ anh: *“Cha coi, đã bao nhiêu năm trời con hầu hạ cha, và chẳng khi nào trái lệnh, thế mà chưa bao giờ cha cho lấy được một con dê con để con ăn mừng với bạn bè. Còn thằng con của cha đó, sau khi đã nuốt hết của cải của cha với bọn điếm, nay trở về, thì cha lại giết bê béo ăn mừng!”* Như thế, anh ta không biết chút gì về sự thay đổi và biến chuyển nội tâm của người khác, từ con đường xa xăm, sự sa đoạ và tìm lại được chính mình. Anh chỉ thấy toàn là bất công. Một cách nào đó, anh

chỉ ở lại trong “cái vỏ ốc của cái tôi” để nhìn vấn đề, mà không màng đến người em thành tâm kia. Hơn nữa, trong tâm tư người anh cả cũng mơ ước về một sự tự do không biên giới, và anh cảm thấy chua cay vì sự vâng phục và không nhận ra hồng ân đang trú ngụ trong nhà cha, về sự tự do đích thực vì là con.

Trước thái độ và lời nói của người con cả, người cha đã nói với anh: *“Con à, lúc nào con cũng ở với cha, tất cả những gì của cha đều là của con. Nhưng chúng ta phải ăn mừng, phải vui vẻ, vì em con đây đã chết mà nay lại sống, đã mất mà nay lại tìm thấy”*. Người cha giải thích cho anh ta sự vĩ đại trong việc làm con. Nếu người con cả hiểu được *làm con nghĩa là gì*, thì thật là tuyệt vời cho anh ta biết bao. Đó cũng là lời Chúa Giê-su cầu nguyện trong lời kinh thượng tế nói lên liên hệ với Cha trên trời: *“Tất cả những gì của con đều là của Cha, tất cả những gì của Cha đều là của con”* (Ga 17,10).

Dụ ngôn ngưng tại đây và không nói gì về phản ứng của người anh cả. Như thế theo Ratzinger, dụ ngôn không nói về một chuyện xa vời, nhưng về điều đang diễn ra tại đây. Thiên Chúa muốn thu phục trái tim của những kẻ đối nghịch. Người van xin họ hãy bước vào và cùng vui lên trong giây phút trở về và tha thứ. Thánh Phao-lô đón nhận lời mời cay đắng này, khi viết: *“Nhân danh Đức Ki-tô, chúng tôi nài xin anh em hãy làm hoà với Thiên Chúa”* (2Cr 5,20).

Tóm lại, dụ ngôn này đã diễn tả thật đẹp dung mạo thương xót của Thiên Chúa qua chính Chúa Giê-su. Đó chính là hình ảnh của Thiên Chúa mà mỗi tín hữu và mọi người trong thế giới cần nhận ra, cảm nhận cách sâu xa, để tin tưởng và tín thác vào Ngài, Đấng là mục tử nhân lành luôn yêu thương đàn chiên.

Để cảm nhận sâu hơn lòng thương xót vô bờ của Chúa qua các dụ ngôn, thiết nghĩ cũng nên suy niệm thêm dụ ngôn về con chiên lạc. Thiên Chúa giàu lòng thương xót luôn ở bên, và sự hiện diện của Chúa luôn đem lại bình an. Hơn nữa, sự hiện diện của Chúa còn mang một năng động lớn, là Ngài – vị Mục Tử nhân lành hay thương xót sẵn sàng lên đường khi cần phải cứu thoát một con chiên đang đi lạc. Thánh Luca diễn tả: *“Người nào trong các ông có một trăm con chiên mà bị mất một con, lại không để chín mươi chín con kia ngoài đồng hoang, để đi tìm cho kỳ được con chiên bị mất? Tìm được rồi, người ấy mừng rỡ vác lên*

vai. Về đến nhà, người ấy mời bạn bè, hàng xóm lại, và nói: Xin chung vui với tôi, vì tôi đã tìm được con chiên của tôi, con chiên bị mất đó. Vậy, tôi nói cho các ông hay: trên trời cũng thế, ai nấy sẽ vui mừng vì một người tội lỗi ăn năn sám hối, hơn là vì chín mươi chín người công chính không cần phải sám hối ăn năn” (Lc 15,4-7).

Liên hệ đến đoạn Thánh Kinh này, chúng ta để một vị giáo sư kể dụ ngôn về con chiên lạc sau đây: Người kia có nuôi một đàn chiên. Một hôm có một con chiên tìm thấy một lỗ hổng ở hàng rào nó vội chui qua. Nó chạy nhảy bên ngoài, mãi mê vui thú, nó đi xa quên cả đường về. Trời sắp tối, nó giật mình thấy bóng dáng một con chó sói đang rình rập từ một lùm cây bên cạnh. Vô cùng sợ hãi nó chạy bán sống bán chết, nhưng con sói dữ tợn vẫn nai lưng đuổi theo nó.

Khi con sói đã gần kề thì may mắn thay người chăn chiên vừa kịp về đến, đánh đuổi con sói và cứu lấy con chiên, ông vác nó trên vai đem về chuồng. Tất cả mọi người thấy vậy bảo người chăn chiên bít lỗ hổng nơi hàng rào lại đề phòng về sau. Nhưng người này từ chối và cứ để như vậy.

Con chiên lạc trong câu chuyện trên đây chính là mỗi người chúng ta. Thiên Chúa yêu thương dựng nên con người chúng ta có tự do. Thật vậy, không tự do thì không có tình yêu, và tự do sẽ không thật là tự do, nếu thiếu vắng trách nhiệm, mà trách nhiệm thì luôn hướng về Chân Thiện Mỹ. Nhưng khốn thay, ngay từ đầu sự tự do Chúa yêu thương ban, đã bị nhiều người lạm dụng và tiếp tục lạm dụng, nghĩa là nhiều người đã và đang đui mù quay lưng với Chân Thiện Mỹ và chạy theo biết bao cám dỗ của sự dữ, của cái tôi. Hậu quả là sự dữ đã du nhập và tiếp tục du nhập vào thế gian.

Nhưng Thiên Chúa đã yêu thương thì Ngài yêu thương cho đến cùng. Tình yêu đó được diễn tả mạnh mẽ và rõ ràng qua việc vị Mục Tử không chấp nhận sự nhàn hạ thanh thoi, không hài lòng với khung cảnh thanh bình trong ngôi nhà và trong *thánh đường* của Ngài. Mà nếu chỉ nghỉ ngơi và thanh thản ngồi hưởng cảnh yên bình thư thái, thì làm sao có được niềm vui đích thực, vì còn biết bao con chiên đang lạc đàn và đang ở đâu đó trong góc phố đen tối của cuộc đời chờ đợi ơn cứu rỗi.

Cần phải lên đường, cần phải đứng dậy và rời khỏi nơi yên bình thư thái, để đi tìm cho được con chiên lạc đàn. Thật vậy, niềm vui lớn lao của đời phục vụ là khi tìm thấy những con chiên lạc đàn. Một ngày vất vả ngược xuôi, lao công và vất vả, nhưng thật là vui mừng quên cả mệt nhọc, khi tìm được con

chiên lạc và đưa trở về. Đêm về, người mệt lả nhưng lòng thì phấn khởi mừng vui, miệng nở nụ cười sâu lắng của lòng Chúa xót thương. Ôi đẹp thay, hình ảnh của người mục tử vác con chiên lạc đàn trên vai và đưa về lại đàn chiên yêu dấu. Con chiên đó giờ đây được ở bên Chúa, được ở trong *thánh đường* của Chúa, và sự hiện diện của Chúa luôn đem lại bình an, vì Ngài chính là bình an đích thật, là Đấng giàu lòng thương xót vô bờ bến.

Đó là những dụ ngôn rất rất sống động diễn tả về hình ảnh của Thiên Chúa giàu lòng xót thương với muôn muôn người. Đức Clemens (*50 và +97), một Giáo Phụ đã nói về Cha trên trời giàu lòng thương xót như sau: “Cha tốt lành và nhân từ trong mọi sự luôn có trái tim cho những ai kính sợ Ngài. Cha nhân từ và tốt lành sẵn sàng và vui mừng ban tặng những ân sủng của Ngài cho những người biết chạy đến Cha với tâm hồn ngay thẳng”.

Các Giáo Phụ khác cũng luôn nhìn lòng thương xót là bản chất đặc biệt của Thiên Chúa. Như vậy, Giáo Hội tiên khởi đã luôn chú ý đến lòng thương xót của Thiên Chúa mà Thánh Kinh đã diễn tả:

“Đời nọ tới đời kia, Chúa hằng thương xót những ai kính sợ Người” (Lc 1,50).

“Chúc tụng Thiên Chúa là Thân Phụ Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta. Người là Cha giàu lòng từ bi lân ái, và là Thiên Chúa hằng sẵn sàng nâng đỡ ủi an” (2Cr 1,3).

“Vì Chúa là Đấng từ bi nhân hậu” (Gc 5,11).

▪ Câu hỏi gợi ý

1. Phần đầu tiên của dụ ngôn là việc xâm xì của người Pha-ri-sêu và các kinh sư về Chúa Giê-su: *“Ông này đón tiếp phường tội lỗi và ăn uống với chúng”*. Đây là một thói xấu dễ làm thương tổn đến người khác. Trong tông chiểu năm thánh Lòng Thương Xót, ĐTC. Phanxico viết: *“Bao nhiêu tai hại do lời nói gây ra một khi chúng được thúc đẩy bởi những cảm xúc của sự ghen tương và đố kỵ! Nói xấu người khác đặt chúng ta dưới thứ ánh sáng xấu xa, làm xói mòn uy tín của người khác và biến họ thành con mồi cho các ý tưởng ngẫu hứng của tin đồn”*.

Bạn hãy thử xét mình xem, bạn có thói quen nói xấu về người khác không?

Bạn có hòa theo người khác để làm tổn thương người khác và làm xói mòn uy tín của người khác không?

2. Qua dụ ngôn của lòng thương xót, chúng ta nhận ra Chúa Giê-su luôn nhìn đến những “phận hèn mọn”, những người bị mọi người xa lìa và bỏ rơi. Những người tưởng là không còn gì để cứu chữa, thì Chúa lại đến với họ. Bạn có trải nghiệm nào về việc Chúa Giê-su đã nhìn đến bạn, một phận người hèn mọn và tội lỗi? Bạn hãy dành thời gian và cầu nguyện với trải nghiệm đó một lần nữa. Quan trọng là bạn khám phá sâu hơn khuôn mặt thương xót vô bờ của Chúa Giê-su, Đấng giàu lòng thương xót, Đấng luôn coi bạn là người quan trọng với Ngài.
3. Trong dụ ngôn người Cha nhân hậu, bạn thích nhân vật nào nhất? Người cha, người con thứ, người con cả? Tại sao bạn lại thích nhân vật đó? Bạn có nét nào giống nhân vật đó?
4. Hình ảnh hồi tâm sám hối ăn năn của người con đưa lại cho bạn sứ điệp gì? Sám hối là gì đối với bạn trên hành trình Đức Tin? Bạn có thường xuyên sám hối không? Phần đầu của mỗi Thánh Lễ, chúng ta đều bắt đầu với phần sám hối và xin ơn lòng thương xót của Chúa.
5. Hình ảnh của người con cả đưa lại cho bạn sứ điệp gì? Bạn có nét nào của người con cả không?
6. Cuối cùng hình ảnh của người Cha có ý nghĩa gì đối với bạn? Trong hành trình Đức Tin của bạn cho đến hôm nay, có bao giờ bạn cảm nghiệm được Chúa thương xót bạn như người Cha nhân hậu đối với hai người con trong dụ ngôn không? Hãy dành thời gian để nhìn lại đời bạn, và qua đó khám phá ra “dấu ấn” của lòng thương xót mà Cha trên trời dành cho bạn.

▪ **Tham khảo**

- ĐTC. Phanxico, *Tông chiếu năm thánh ngoại thường về Lòng Thương Xót*.
- Ratzinger J., *Đức Giê-su thành Nazareth*, phần 1, từ phép rửa nơi sông Gio-đan đến lúc hiển dung, t.275-288.
- KASPER W., *Barmherzigkeit*, t.89.
- Pierre Cardon de Lichtbuer SJ, *Các dụ ngôn về nước Trời*, (cuốn 2), NXB.Tôn Giáo, t.864-963.

- Vũ Phan Long ofm., *LÒNG THƯƠNG XÓT CỦA THIÊN CHÚA*, Lc 15,1-3.11-32
- Nguyễn Ngọc Thế SJ, *Phúc Thay*, NXB. Hồng Đức 2015, t.380-389.

✚ Câu chuyện minh họa

1. Trong đôi mắt mẹ.

Một cô bé đang ngồi trên gối mẹ, chọt lên tiếng hỏi mẹ:

- Mẹ ơi, con có thể nhìn thấy lòng mẹ không?

Bà mẹ đáp:

- Mẹ không biết, nhưng con có thể nhìn vào mắt mẹ xem có thấy gì trong đó?

Cô bé nhướng mắt nhìn chăm chú vào đôi mắt người mẹ, rồi sung sướng kêu lên:

- Mẹ ơi! Con nhìn thấy lòng mẹ rồi, ở đó có một cô bé tí xíu là chính con đó mẹ ạ?

Trong đôi mắt của cha mẹ, con cái là tất cả. Trong đôi mắt Thiên Chúa chỉ có con người, nhất là những con người tội lỗi đáng thương. Vua Đavít đã cầu nguyện cùng Chúa: "Xin giữ gìn con như thể con người, dưới bóng Ngài, xin thương che chở" (Tv 17,8).

2. LÒNG CHA BAO DUNG

Richard Pindell có viết một câu chuyện ngắn về một cậu bé tên là David. Cậu ta đã nghe theo chúng bạn lén về nhà ăn cắp một số tiền lớn rồi bỏ đi bụi đời. Mấy tháng sau, vì không chịu nổi hoàn cảnh đói khát khổ cực, cậu đã viết một lá thư gửi về cho mẹ. Trong thư, cậu tỏ ra hối lỗi và nhờ mẹ thuyết phục ông bố vốn rất khiêm khắc, để xin ông tha tội và cho cậu được về nhà sum họp như trước. Nội dung lá thư ấy như sau: "Mẹ kính yêu, trong một vài ngày nữa con sẽ đáp chuyến xe lửa ngang qua nhà mình. Vậy nhờ mẹ xin lỗi bố cho con. Nếu bố bằng lòng tha thứ và chấp thuận cho con được về nhà, thì xin mẹ yêu cầu bố hãy cột một miếng vải trắng trên cây táo hồng ở cạnh nhà mình mẹ nhé!".

Vài ngày sau, David lên xe lửa đi về nhà. Khi xe lửa đang di chuyển thì hai hình ảnh cứ liên tục hiện ra trong tâm trí cậu bé: Lúc thì trên cây táo có cột một miếng vải trắng, lúc lại chẳng thấy có miếng vải nào cả. Khi sắp đi ngang qua nhà, trái tim David đập nhanh hơn. Cậu quay sang người ngồi cạnh và ấp úng nói: “Thưa ông, ông có thể giúp cháu việc này không ạ?” Được ông đồng ý, cậu nói: “Vào khúc quẹo bên tay mặt, ông sẽ thấy một cây táo. Vậy phiền ông nhìn vào cây ấy và nói cho cháu biết trên cành cây có cột một miếng vải trắng nào không nhé?”. Khi xe lửa âm ỉ lướt nhanh qua nhà, David nhắm mắt lại rồi run giọng hỏi: “Thưa ông, có miếng vải trắng nào treo trên cành cây táo cạnh nhà cháu hay không?” Ông ta sững sốt trả lời rằng: “Ồ, này cậu bé, không phải chỉ một mà cành cây nào ta cũng thấy có cột vải trắng cả!” Thì ra sợ con không nhìn thấy giải vải trắng, ông bố của cậu bé đã treo thật nhiều vải trắng để chắc chắn cậu sẽ nhìn thấy dấu hiệu tình thương tha thứ và để cậu yên tâm trở về nhà.

3. Tổng thống Abraham Lincoln.

Một lần kia, Lincoln được hỏi ông sẽ đối xử thế nào với quân phiến loạn miền Nam, khi họ thua trận và trở lại liên hiệp với Hoa Kỳ ? Người hỏi câu ấy nghĩ rằng ông sẽ báo thù họ ghê gớm, nhưng Lincoln trả lời :“Tôi sẽ đối xử với họ dường như chưa bao giờ họ ly khai với chúng tôi”.

Đây là một dụ ngôn có tầm vóc thần học. Dụ ngôn của ân huệ Chúa ban cho con người. Dụ ngôn về tình yêu nhưng không Cha ban cho mọi người, đầu tội lỗi mảy đi nữa. Cha muốn họ tham dự niềm vui, muốn mời gọi họ khám phá ra tình huynh đệ chân chính. Làm sao không nhìn ra qua dụ ngôn này, Đức Giêsu muốn trao tặng cho chúng ta bí mật trong cách cư xử và đời sống của Ngài ? Ngài là người Con được Cha sai đến loan báo sự hòa giải cho các tội nhân. Đó là những người mà Đức Giêsu khắc họa hình ảnh nơi người em và đó cũng là những người được mời gọi nhận ra chính mình nơi hình ảnh của người anh (Fiches dominicales).

4. Đứa con hoang đàng của Phật giáo.

Trong giáo lý nhà Phật cũng có câu chuyện gọi là “Dụ ngôn người con hoang đàng”. Câu chuyện kể về một người con bỏ cha, lên đường đi đến một nơi xa

xôi sinh sống theo sự tự do phóng khoáng của mình. Vì ăn chơi thái quá anh trở nên nghèo khổ. Người cha ở nhà, sau bao năm tháng chờ đợi không thấy con trở về, đành lên đường đi tìm con. Sau nhiều năm tìm kiếm, hỏi han, người cha đã tìm ra được tung tích của người con mình. Nhưng người con lại không thể nào nhận ra được cha nó, một ông già đầy quyền lực và cao sang. Người con vẫn tiếp tục từ chối và lẩn trốn. Người cha rất đau lòng để con mình lẩn trốn như vậy, nhưng ông ra lệnh cho gia nhân theo dõi cậu, mướn cậu vào nhà làm việc cho ông. Sau đó, người cha vứt bỏ quần áo sang trọng, ngọc ngà của mình đi, đóng vai một người đầy tớ để có cơ hội gần gũi và chinh phục người con. Qua nhiều năm thân thiết người cha đã chinh phục được trọn vẹn tình cảm của cậu. Sau cùng vào cuối đời, người cha mới tiết lộ cho biết anh là con của ông và được quyền thừa kế tất cả gia tài của cha để lại (Nguyễn Văn Thái, Sống lời Chúa giữa dòng đời, năm C, tr 128).

Câu chuyện này không khác gì lịch sử cứu độ của Thiên Chúa đối với loài người. Thiên Chúa luôn yêu thương tìm kiếm con người. Còn con người cứ lẩn trốn, để rồi sau cùng, Thiên Chúa phải sai Con Một xuống thế, làm người đầy tớ đau khổ (Is 53,10-12), dùng cái chết của mình để thuyết phục và nói cho con người biết chức vị làm con cái Thiên Chúa của mình với quyền thừa kế hạnh phúc đời đời trên Nước Trời (Ga 3,16-17).

5. Chúa quên hết tội rồi.

Một bà già thường đến gõ phòng cha xứ, kể cho ngài nghe rằng đêm qua Chúa mới hiện ra với bà. Để làm bà nản lòng đừng đến nữa, Cha xứ bảo: "Lần sau nếu Chúa có hiện ra, bà hãy hỏi Ngài "Cha xứ con có tội gì nặng nhất? Sau đó tới kể cho tôi nghe". Mấy ngày sau, bà già không đến nữa. Cha xứ mừng thầm vì bà đã trúng kế của Ngài. Nhưng một tuần sau đó, bà già trở lại.

- Thưa cha, tối hôm qua Chúa lại hiện ra với con.
- Thế bà có hỏi Ngài không?
- Thưa có chứ.

Cha xứ bắt đầu hỏi hộp:

- Bà hỏi thế nào?
- Thì con hỏi y như Cha đã bảo: "Cha xứ con có tội gì nặng nhất"?

Cha xứ càng hỏi hộp thêm:

- Vậy Chúa có trả lời không?

- Có chứ .

Bây giờ thì cha xứ lo lắng thật sự:

- Chúa nói sao?

- Chúa nói: "Ta đã quên hết rồi".

Cha xứ thở phào nhẹ nhõm.

(Theo ĐHY PX Nguyễn Văn Thuận)